TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 128/2019/DS-PT
Ngày: 28/5/2019
V/v Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Bà Trần Thị Liên Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLPT-DS ngày 20/02/2019 về: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DSST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1938. Trú tại: số nhà 12, ngõ 57 phố VT, phường B, quận TH, Hà Nội. Có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1941. Trú tại: số 38 đường N.L.B, phường CD, quận ĐĐ, Hà Nội. Nơi ở hiện nay: số nhà 18A, ngõ 358/40 XT, tổ 44, phường KĐ, quận TX, Hà Nội. Có mặt.

1.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949. Trú tại: thôn LX, xã KC, huyện HĐ, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1944. Trú tại: xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đoàn Thanh T, sinh năm 1942. Trú tại: số nhà 12, ngõ 57 phố VT, phường B, quận TH, Hà Nội. Có mặt.

3.2. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1948; Có mặt.

3.3. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; Vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Vắng mặt.

3.5. Cháu Nguyễn Trí V, sinh năm 2009;

3.6. Cháu Nguyễn Q V2, sinh năm 2012;

Người đại diện theo pháp luật của cháu V và cháu V2 là anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ của các cháu).

3.7. Ông Nguyễn Văn V3, sinh năm 1945; Có đơn xin xử vắng mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950. Có đơn xin xử vắng mặt.

Cùng trú tại: xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, Hà Nội.

3.9. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1937. Trú tại: số 8, ngõ 105, ngách 15/20 đường TK, quận TH, Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.10. Anh Lê Minh S, sinh năm 1975. Trú tại: số 32, phố ĐT, phường KG, quận TX, Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.11. UBND huyện HĐ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ - Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các Nguyên đơn cùng thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Ông bà ngoại của các nguyên đơn là cố Đinh Thị Â và cố Phí Thị H có 05 con chung là: Đinh thị M, Đinh Thị B, Đinh Thị T, Đinh Thị N, Đinh Thị S.

Cố Â chết năm 1922, cố H chết năm 1958. Đều không để lại di chúc.

Cụ Đinh Thị B có chồng là cụ Nguyễn Văn T và có 4 con chung là: ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn văn Q, bà Nguyễn Thị H. Cụ T chết năm 1955, cụ B chết năm 1991 đều không để lại di chúc.

Thửa đất các ông bà yêu cầu chia thừa kế có diện tích khoảng 330m2 thuộc thửa số 383 bản đồ 2003 tại xóm 5, thôn LX, KC, ĐA. Thửa đất này có nguồn gốc của vợ chồng cố H và cố Â tạo lập.

Năm 1922 cố Â chết, các con gái là cụ T, N, S và cụ M lấy chồng nên vợ chồng cụ B cụ T về ở cùng với cố H.

Năm 1959 cố H chết, năm 1968 cụ B xây nhà ngói 4 gian trên nền nhà cũ của vợ chồng cố H cố Â. Sau khi cố H chết, bà H về đó ở cùng cụ B đến khi cụ B chết thì bà H tiếp tục ở tại nhà đất này. Còn ông P, bà V đã có nhà ở Hà Nội; ông Q đi công tác không có nhà.

Năm 1994, ông Q về và xin phép các dì là cụ T, cụ N và cụ S cho ông Q làm 30m2 nhà bên cạnh căn nhà cụ bà H đang ở.

Năm 1997, cụ T, cụ N, cụ S có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cố Â và cố H để lại. Quá trình các cấp Toà án giải quyết thì ông P đã thoả thuận với cụ T, N, S cho mỗi cụ 500.000 đồng (Tương đương 1 chỉ vàng) nên các cụ đã rút đơn khởi kiện và để lại thửa đất cho cụ B cùng các con cụ B sử dụng. Toà án đã ra quyết định đình chỉ vụ án.

Năm 2003, các con cụ B đã bàn bạc và để bà H sử dụng khoảng 130m2 đất, ông Q sử dụng khoảng 200m2 đất. Do ông Q không nhất trí mà còn dỡ 1/2 nhà 4 gian bà H đang ở. Vì vậy các ông bà đã có đơn khởi kiện chia thừa kế.

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 114/2007/DSPT ngày 20/11/2007 của TAND tỉnh Hà Tây thì ông P, bà V, bà H đã được cấp GCNQSD đất đối với phần đất được chia. Nhưng từ thời điểm cấp GCNQSD đất đến nay các ông bà không được quản lý sử dụng diện tích đất này.

Nay các nguyên đơn cùng yêu cầu Toà án chia thừa kế di sản của mẹ để lại (cụ B) là 330m2 đất theo quy định pháp luật mà hiện nay ông Q và bà H đang quản lý. Kỷ phần của ông P, bà V xin hưởng bằng giá trị; kỷ phần của bà H hưởng bằng hiện vật.

Bị đơn ông Q trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của các nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời gian các cố chết; thời gian các cụ chết.

Ông nhất trí với các nguyên đơn về nguồn gốc tài sản đang có tranh chấp là của ông bà ngoại là cố Â và cố H để lại.

Quá trình sử dụng nhà đất đang có tranh chấp như sau:

- Năm 1955 mẹ ông là cụ B có đưa ông và bà H về ở tại nhà đất đang có tranh chấp với cố H. Lúc này các con của cố H đã lập gia đình và sinh sống chỗ khác; còn ông P, bà V thì sống cùng bố là cụ T. Sau khi cố H chết, ba mẹ con ông vẫn ở tại nhà đất của các cố. Năm 1968, cụ B sửa lại nhà của các cố và bà H đi lấy chồng; chỉ còn cụ B và ông ở tại nhà đất. Năm 1967 ông đi bộ đội đến 1975 thì xuất ngũ về ở cùng cụ B. Năm 1976 ông lấy vợ và vợ chồng ông vẫn ở cùng cụ B. Do điều kiện công tác nên gia đình ông chuyển đến tập thể cơ quan ở và cụ B cũng đến ở cùng. Năm 1984, bà H ly hôn và về ở tại nhà đất của các cố. Năm 1991 cụ B chết. Năm 1994 ông nghỉ công tác và về quê ở tại nhà đất của các cố. Ông đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của các cố, có sự đồng ý của các con cố Â, cố H và các ông bà P, V, H. Lý do ông được các dì và anh chị em ông nhất trí vì ông là cháu trai duy nhất đã ở cùng với cố H từ nhỏ và giao cho ông thờ cúng các cụ bên ngoại.

Quá trình sử dụng đất: Năm 2014 vợ chồng ông xây nhà 3 tầng kiên cố. Năm 2016 ông bà đã cho con trai là anh T và con dâu là H xây nhà khoảng 25m2 sử dụng đến nay.

Quan điểm của ông chỉ nhất trí chia cho ông P, bà H, bà V khoảng 80m2 đất tại vị trí bà H đang sử dụng. Nếu các nguyên đơn không nhất trí thì Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà T (vợ ông P) nhất trí như yêu cầu của ông P.

2. Bà B (vợ ông Q), anh T, chị H (con trai, con dâu ông Q) nhất trí như ông Q.

3. Ông L (con trai cụ M): đối với tài sản đang có tranh chấp cụ M đã được thanh toán kỷ phần. Nay ông không yêu cầu gì.

4. Ông V3 (con trai cụ T): đối với tài sản đang có tranh chấp cụ T đã được thanh toán kỷ phần. Nay ông không yêu cầu gì.

5. Bà C (con gái cụ N): đối với tài sản đang có tranh chấp cụ N đã được thanh toán kỷ phần. Nay bà không yêu cầu gì.

6. Anh S (cháu ngoại cụ S): đối với tài sản đang có tranh chấp bà D con gái cụ S đã được thanh toán kỷ phần. Nay anh không yêu cầu gì.

Bản án sơ thẩm số: 14/2018/DSST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ đã quyết định:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh Thị B.

2/ Xác định diện tích 30m2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 383, tổng diện tích 319,80m2, tờ bản đồ năm 2003 tại xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, TP Hà Nội là tài sản của ông Nguyễn Văn Q được tặng cho riêng.

3/ Xác định diện tích 289,8m^2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 383, tổng diện tích 319,80m^2, tờ bản đồ năm 2003 tại xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có giá trị 6.665.400.000đ (*Sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)* là di sản của cụ Đinh Thị B.

4/ Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đinh Thị B là năm 1991. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: Ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị H.

Trích công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế cho ông Q và bà H mỗi người bằng 1/2 giá trị 01 kỷ phần thừa kế.

Chia di sản thừa kế thành 04 phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 1.666.350.000đ *(Một tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).*Ông Q, bà H

mỗi người được hưởng phần di sản là ½ kỷ phần là: 833.175.000đ Tương đương với diện tích đất là 36,22m^2.

Phân chia cụ thể:

- Ông Q được quyền sử dụng: 54,34m^2 + 36,22m^2 = 90,56m^2
- Bà H được quyền sử dụng: 54,34m^2 + 36,22m^2 = 90,56m^2
- Ông P được hưởng giá trị: 54,34m^2.
- Bà V được hưởng giá trị: 54,34m^2.

Về phân chia hiện vật:

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 102,2m^2 và các công trình có trên đất trong đó có 90,56m^2 đất là di sản thừa kế.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 217,6m^2 và các công trình có trên đất trong đó có 90,56m^2 đất là di sản thừa kế.

- Ông Nguyễn Văn P được bà H thanh toán giá trị kỷ phần là: 11,64m^2 Tương đương 267.720.000đ *(Hai trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Văn P được ông Q thanh toán giá trị kỷ phần là: 42,70m^2 Tơng đương 982.100.000đ *(Chín trăm tám mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng).*

- Bà Nguyễn Thị V được ông Q thanh toán giá trị kỷ phần là: 54,34m^2 Tơng đương 1.249.820.000đ *(Một tỷ, Hai trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).*

(Việc phân chia đất có sơ đồ minh họa chi tiết kèm theo).

5/ Kiến nghị UBND huyện HĐ thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 194446, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02125 tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ194444, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02140 tên người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị V và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ194445, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02124 tên người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị H do Ủy Ban nhân dân huyện HĐ cấp cùng ngày 11/11/2009 cho các đương sự theo quyết định của bản án.

6/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về xem xét quyền sử dụng đất của ông đối với giá trị diện tích đất mà trước đây ông đã bỏ tiền riêng của vợ chồng ông để thanh toán cho các kỷ phần cho cụ T, cụ N, cụ S trong khối di sản thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, ông Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các đương sự không thoả thuận được về cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xác định thửa đất có tranh chấp là của cố Đinh Thị Â và cố Phí Thị H để lại cho các con. Thời hiệu mở thừa kế của các cố còn theo quy định pháp luật. Đề nghị đưa các con của hai cố vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho họ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xử huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

II. Xét kháng cáo của các bên đương sự như sau:

[1]. Nguồn gốc nhà đất có tranh chấp có diện tích 323m2, tờ bản đồ số 4, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội được các bên đương sự thừa nhận là của cụ cố Đinh Tiến Â và cụ cố Phí Thị H để lại. Cố Â chết năm 1991, cố H chết năm 1959. Sau khi cố H chết, mẹ con cụ Đinh Thị B (con gái cố Â và cố H) đã làm 4 gian nhà ngói trên đất và ở đến chết. Sau khi cụ B chết thì bà H tiếp tục ở trong ngôi nhà của cụ B để lại đến nay, riêng ông Q cũng làm nhà trên một phần đất và ở trên diện tích đất này từ năm 1994.

[2]. Năm 1996, các con của cố Â và cố H là cụ Đinh Thị T, cụ Đinh Thị N, cụ Đinh Thị S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

+ Tại bản án số 09/1997/DS-ST ngày 11/7/1997 Toà án nhân dân huyện HĐ đã xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn P đã đưa tiền cho cụ T, cụ N và cụ S mỗi người 500.000đ Tương đương 01 chỉ vàng. Ngày 22/10/1999, cụ T (do ông Nguyễn Văn V là con trai ký thay), cụ N (do bà Nguyễn Thị C là con gái ký thay), cụ S (do bà Nguyễn Thị D là con gái ký thay)

có Đơn xin rút yêu cầu chia thừa kế có xác nhận của UBND xã KC, huyện HĐ ngày 25/10/1999, trong đó thể hiện nội dung *"...Mảnh đất đó vẫn để nguyên như hiện nay là của bà Đinh Thị B và các con sử dụng. Trên tinh thần đó các dì T, dì N, dì S đã thống nhất đồng ý rút đơn...các dì cũng đã đồng ý để gia đình anh P trợ giúp mỗi dì 500.000đ Tương đương 01 chỉ vàng*" . Ngày 29/10/1999, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây đã ra quyết định số 116/QĐ-PT đình chỉ giải quyết vụ án chia di sản thừa kế giữa các cụ Đinh Thị T, Đinh Thị N, và Đinh Thị S với ông Nguyễn văn Q và bà Nguyễn Thị H. Quyết định đình chỉ không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[3]. Ngày 29/9/2006, các nguyên đơn là ông P, bà V, bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của 4 anh em (ông P, bà V, ông Q, bà H) theo pháp luật. Đơn khởi kiện nêu rõ là năm 1999, ông P đã đại diện cho gia đình đứng ra thương lượng với các dì và các dì đã đồng ý để cho anh P trợ giúp mỗi dì 500.000đ Tương đương 01 chỉ vàng và để lại nhà, đất cho cụ B và các con sử dụng.

Ngày 02/8/2007 TAND huyện HĐ đã xét xử tại Bản án số 11/2007/DSST chấp nhận đơn yêu cầu chia tài sản chung của ông P, bà V, bà H.

Ngày 20/11/2007 Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây đã tuyên bản án số 114/2007/DS-PT sửa bản án sơ thẩm của TAND huyện HĐ**.**

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 140/2011/DS-GĐT ngày 22/02/2011 Toà dân sự Toà án nhân dân Tối Cao đã tuyên huỷ cả hai bản án sơ thẩm + phúc thẩm trên.

Ngày 03/8/2011 TAND huyện HĐ ra Quyết định đình chỉ vụ án số 08/2011: đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông P, bà V và bà H.

Tại Quyết định số 254/2011/QĐ-PT ngày 30/12/2011 TAND Thành phố Hà Nội đã quyết định huỷ Quyết định đình chỉ vụ án số 08/2011 của TAND huyện HĐ.

Ngày 04/6/2013, TAND huyện HĐra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 16/2103.

Tại Quyết định số 351/2013/QĐ-PT ngày 30/12/2013 TAND thành phố Hà Nội đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà V, bà H.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 35/2017/DS-GĐT ngày 11/5/2017 đã quyết định : Huỷ toàn bộ quyết định 351/2013/QĐ-PT ngày 30/12/2013 TAND thành phố Hà Nội; Huỷ toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 16/2103 ngày 04/6/2013 của TAND huyện HĐ về Yêu cầu chia tài sản chung (**BL 587**).

[4]. Ngày 27/11/2017 TAND huyện HĐ thụ lý lại vụ án " Tranh chấp chia tài sản chung" để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết, các đồng nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện từ " yêu cầu chia tài sản chung" sang

yêu cầu " Chia thừa kế tài sản". Ông P tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền ông P đã chi cho các bà dì. Và xác định toàn bộ nhà đất của các cố nay đã là di sản của cụ B để lại để chia thừa kế.

Toà án sơ thẩm đã nhận định nhà đất có tranh chấp hiện nay ông Q và bà H đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của các cố H và cố Â để lại cho đời sau là đúng.

[5]. Về quan hệ huyết thống của cố Â và cố H: H cố có 5 người con là cụ M, cụ B, cụ T, cụ N, cụ S. Nay các cụ đều đã chết. Các con của các cụ là: cụ M, cụ T, cụ N và cụ S đều có lời khai thống nhất tài sản có tranh chấp đúng là của cố Â và cố H để lại, nhưng các cụ M, T, N, S đã được nhận kỷ phần tài sản rồi nên không yêu cầu gì.

Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định nhà đất có tranh chấp là di sản cụ B được các chị em cụ để lại là đúng.

[6]. Đối với số tiền ông P thanh toán cho các Dì đã được đại diện cho các con của cụ M, cụ T, cụ N và cụ S đã có văn bản thể hiện nội dung về việc các cụ đã nhận ký phần thừa kế của các cố do ông P là người chi nên họ đều không yêu cầu gì về thửa đất có tranh chấp và đều xin vắng mặt. Ông P cũng tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét số tiền ông đã thanh toán kỷ phần thừa kế cho các bà dì, nên Toà sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông P là đúng.

[7]. Quá trình các con cụ B sử dụng nhà đất, vào ngày 27/3/1994 các con cụ B đã họp gia đình để thống nhất về việc sử dụng nhà đất. Tại " Biên bản họp gia đình ngày 27/3/1994" - BL 571 đã thống nhất cho ông Q được xây dựng ngôi nhà 30m2 trên đất. Ông Q được toàn quyền sử dụng đất như ý kiến của các dì đã ký trong đơn và không được bán, nhượng cho người khác...Ông Q cho rằng Các Dì đã ký vào Đơn xin sử dụng đất ngày 21/02/1994 (BL 571) của ông Q là thể hiện ý chí đã cho ông toàn bộ đất nhà. Tuy nhiên đơn xin sử dụng đất của ông Q chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận, vì vậy, Toà án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Q là có căn cứ.

[8]. Thửa đất số 383 có diện tích 330m2 trên có ngôi nhà cấp 4, thực đo hiện trạng là 319,8m2; Toà án sơ thẩm đã xác định anh em ông P, ông Q đã thông nhất cho ông Q 30m2 đất tại nơi ông Q đã xây nhà; Tại phiên tòa phúc thẩm họ vẫn giữ nguyên sự tự nguyện này và cùng xác định quyền sử dụng 30m2 đất thuộc tài sản của ông Q. Nên di sản thừa kế còn là: 319,8m2 - 30m2 = 289,8m2.

Như vậy di sản thừa kế của cụ B còn lại là 289,8m2 trị giá = 6.665.400.000đ. Còn nhà cấp 4, sân gạch, bể nước hiện không còn và các đương sự cũng không yêu cầu nên Toà án sơ thẩm không xem xét là đúng.

[9]. Diện và hàng thừa kế: Cụ B có bốn người con đẻ không có con nuôi, con riêng và thuộc hàng thừa kế thứ nhất: Ông P, ông Q, bà V, bà H (4). Theo quy định thì các thừa kế được hưởng kỷ phần bằng nhau.

[9.1]. Di sản thừa kế của cụ B có công sức quản lý, tu tạo của ông Q và bà H. Toà án sơ thẩm đã thanh toán công sức của ông Q và bà H = 1 kỷ phần thừa kế (36,22m2) và mỗi người hưởng 1/2 kỷ phần là thoả đáng.

Toà án sơ thẩm xác định Di sản thừa kế của cụ B còn là: 289,8m2- (36,22m2 x2) = 217,36m2 đất chia cho 4 con của cụ B; mỗi người hưởng 1/4= 54,34m2.

[9.2]. Kết quả sau khi mở chia thừa kế :

Ông Q được chia thửa kế 54,34m2 + Công sức quản lý di sản 36,22m2 = 90,56m2 đất.

Bà H được chia thửa kế 54,34m2 + Công sức quản lý di sản 36,22m2 = 90,56m2 đất.

Ông P được chia thửa kế 54,34m2.

Bà V được chia thửa kế 54,34m2.

Ông P và bà V xin hưởng kỷ phần thừa kế bằng giá trị, Toà án sơ thẩm đã ghi nhận và giao hiện vật cho ông Q, bà H, thanh toán chênh lệch kỷ phần thửa kế cho ông P và bà V là đúng.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định pháp luật, các ông bà được chia kỷ phần thừa kế thì phải chịu án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng. Tuy nhiên, các ông bà: ông Q, bà H, ông P và bà V đều đã trên 60 tuổi thuộc diện người cao tuổi. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội " Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và sử dụng án phí và lệ phí Toà án", thì các ông bà thuộc diện được miễn toàn bộ án phí.

[11]. Như phân tích trên, cần sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm. Hoàn trả ông P số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp; Hoàn trả ông Q số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/ DS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, TP Hà Nội.

Căn cứ các Điều 675, 676, 678, 683 và điều 685 BLDS năm 2005.

Căn cứ các Điều 133, 623 BLDS năm 2005.

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội khoá 12 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội " Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và sử dụng án phí và lệ phí Toà án",

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị H về việc chia di sản thửa kế của cụ Đinh Thị B.

2. Xác định diện tích 30m2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 383, tổng diện tích 319,80m2, tờ bản đồ năm 2003 tại xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, TP Hà Nội là tài sản của ông Nguyễn Văn Q được tặng cho riêng.

3. Xác định diện tích 289,8m^2 đất thổ cư thuộc Thửa đất số 383, tổng diện tích 319,80m^2, tờ bản đồ năm 2003 tại xóm 5, thôn LX, xã KC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội có giá trị 6.665.400.000đ (*Sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)* là di sản của cụ Đinh Thị B.

4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đinh Thị B là năm 1991. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: Ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị H.

Trích công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế cho ông Q và bà H mỗi người bằng 1/2 giá trị 01 kỷ phần thừa kế.

Chia di sản thừa kế thành 04 phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 1.666.350.000đ *(Một tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

Ông Q, bà H mỗi người được hưởng phần di sản là ½ kỷ phần là: 833.175.000đ Tương đương với diện tích đất là 36,22m^2.

Phân chia cụ thể:

- Ông Q được quyền sử dụng: 54,34m^2 + 36,22m^2 = 90,56m^2
- Bà H được quyền sử dụng: 54,34m^2 + 36,22m^2 = 90,56m^2
- Ông P được hưởng giá trị: 54,34m^2.
- Bà V được hưởng giá trị: 54,34m^2.

Về phân chia hiện vật:

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 102,2m^2 và các công trình có trên đất trong đó có 90,56m^2 đất là di sản thừa kế.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 217,6m^2 và các công trình có trên đất trong đó có 90,56m^2 đất là di sản thừa kế.

- Ông Nguyễn Văn P được bà H thanh toán giá trị kỷ phần là: 11,64m^2 Tương đương 267.720.000đ *(Hai trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Văn P được ông Q thanh toán giá trị kỷ phần là: 42,70m^2 Tơng đương 982.100.000đ *(Chín trăm tám mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng).*

- Bà Nguyễn Thị V được ông Q thanh toán giá trị kỷ phần là: 54,34m^2 Tương đương 1.249.820.000đ *(Một tỷ, Hai trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).*

(Việc phÂ chia đất có sơ đồ minh họa chi tiết kèm theo).

5. Kiến nghị UBND huyện HĐthu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 194446, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02125 tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ194444, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02140 tên người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị V và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ194445, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02124 tên người sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị H do Ủy Ban nhân dân huyện HĐ cấp cùng ngày 11/11/2009 cho các đương sự theo quyết định của bản án.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P về xem xét quyền sử dụng đất của ông đối với giá trị diện tích đất mà trước đây ông đã bỏ tiền riêng của vợ chồng ông để thanh toán cho các kỷ phần cho cụ T, cụ N, cụ S trong khối di sản thừa kế.

7. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông P, bà V, bà H, ông Q.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn P tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 1561 ngày 03/10/2006 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Hà Tây.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn Q tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008353 ngày 11/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, TP. Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện HĐ
- Chi cục THADS huyện HĐ
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thiện